

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 7 - 2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C – T

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Văn Hoàng;

2. Ông Thái Văn Lộc.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phượng, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T tham gia phiên tòa:
Ông Võ Minh Mẫn, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xét xử công khai vụ án thụ lý số: 118/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1991 (có đơn đề nghị vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ 5 ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988 (có đơn đề nghị vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/3/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

Chị N và anh T tự nguyện chung sống và kết hôn ngày 21/3/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh T. Sau khi kết hôn thời gian đầu chung sống cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, chị đã nhiều lần nộp đơn xin ly hôn, nhưng anh T hứa hẹn thay đổi, chị vì muốn hàn gắn nên rút đơn khởi kiện cho anh T cơ hội sửa chữa, nhưng giữa hai vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, bất hòa trong gia đình, anh chị không còn mang lại hạnh phúc, niềm vui cho nhau, mạnh ai nấy sống không có tiếng nói chung. Nay chị không thể tiếp tục chung sống với anh T, chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 21/10/2019. Chị yêu cầu nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ ai, nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày ý kiến tại biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2023:

Anh T không đồng ý ly hôn vì con còn nhỏ cần có cả cha và mẹ, năm 2018 chị N cũng nộp đơn xin ly hôn một lần. Trường hợp phải ly hôn anh đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, vợ chồng anh chị không có nợ chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực

hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị N đối với anh T; Về con chung: Giao con chung cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; Tài sản chung: Anh T, chị N không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đặt ra xem xét. Nợ chung: Anh chị trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị N, anh Nguyễn Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị N và anh T tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 21/3/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do hai bên không cùng chung quan điểm, hôn nhân không mang lại hạnh phúc, tháng 5 năm 2018 chị N đã nộp đơn ly hôn sau đó rút đơn vợ chồng đoàn tụ theo Quyết định đình chỉ vụ án số 124/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T. Do cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, nay chị N tiếp tục nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án anh T có ý kiến không đồng ý ly hôn vì con còn nhỏ muốn đoàn tụ vợ chồng, nhưng anh không đưa ra được giải pháp để vợ chồng hàn gắn tình cảm xây dựng hạnh phúc vợ chồng.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, không có khả năng đoàn tụ. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị N đối với anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 21/10/2019. Hiện nay con chung đang sống cùng chị N, do đó cần tiếp tục giao con chung cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị N, anh T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị N, anh T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C tỉnh T là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí theo qui định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị N. Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 21/10/2019 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị N phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018337 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T. Chị N đã nộp đủ án phí.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nội nhân:

-Phòng NV- TAND tỉnh T;
-VKSND h. C, tỉnh T;
-Chi cục THADS h. C. Tỉnh T;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu tập án (Hg).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hương

**Thành viên
Hội đồng xét xử**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hương

